

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 15/2018/HNGD-ST

Ngày 02-04-2018

V/v: Tranh chấp HNGĐ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1- Ông Vũ Việt Phương

2- Bà Tô Thị Thanh Tâm

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Khánh Linh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Nhâm Thị Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2017 về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/03/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh V, sinh năm 1971

ĐKKH: Tổ 14, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Tạm trú: Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội huyện V, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1966

ĐKKH và chỗ ở: Tổ 14, phường H, thành phố T, tỉnh T.

(Chị V có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh V trình bày và có yêu cầu:*

Chị và anh Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh T vào ngày 04/02/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chị có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường hay rượu chè, chơi bời, chị và gia đình khuyên nhủ nhưng anh D vẫn không cải thiện mà còn có những biểu hiện

đánh đập vợ con, chị không thể chịu đựng được nên đến khoảng năm 2002 chị đã cùng con chuyển ra nơi công tác của chị tại Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội tại huyện V, tỉnh T ở từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D.

** Về con chung:* Chị và anh Trần Văn D có hai con chung là Trần Văn D, sinh ngày 19/01/1997 và Trần Yến N, sinh ngày 02/8/2007. Hiện con D đã trưởng thành và có công ăn việc làm nên không đặt ra giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; ly hôn chị nguyện vọng được trực tiếp nuôi con N và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Mức lương, thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện nuôi dạy con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bản thân con N là con gái nên cần sự chăm sóc của chị hơn và con N có đơn nguyện vọng được ở với chị.

** Về tài sản:* Trong quá trình chung sống chị và anh Trần Văn D không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay tài sản gì của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Chị Nguyễn Phương M, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 14, phường H, thành phố T, tỉnh T (là chị dâu của anh Trần Văn D) trình bày:*

Vợ chồng anh chị hiện đang sống cùng với bố mẹ chồng chị và anh Trần Văn D (hiện nay bố mẹ chồng chị không còn minh mẫn và chồng chị đi làm ăn xa) vì vậy chị có ý kiến trình bày: Anh Trần Văn D và chị Trần Thị Thanh V tìm hiểu, có làm thủ tục đăng ký kết hôn, tổ chức lễ cưới và sống cùng với gia đình, trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D làm ăn thua lỗ, thất thoát và vay nợ nhiều nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến đánh nhau, gia đình đã khuyên anh chị nhưng không có kết quả. Đến khoảng năm 2002 chị V đã đưa con ra ở tại cơ quan chị V sống từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, còn anh D sau khi làm ăn thua lỗ đã bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng anh D có liên lạc và về nói hiện đang làm ăn và sinh sống thất thường, không có chỗ ở ổn định. Khi Tòa án thông báo thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị V và anh D thì gia đình cũng đã thông báo cho anh D biết nội dung và các thủ tục Tòa án gửi, nhưng vì lý do anh D không lên Tòa án theo giấy báo của Tòa án được. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý. Về phía gia đình thì hôn nhân giữa chị V và anh D khó đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh D và chị V có hai con chung là Trần Văn D, sinh ngày 19/01/1997 và Trần Yến N, sinh ngày 02/8/2007, từ khi anh D và chị V sống ly thân thì cháu N ở cùng với chị V. Việc ai là người trực tiếp nuôi con và cấp

đưỡng nuôi con như thế nào gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn D và chị Trần Thị Thanh V không có tài sản chung, không nợ chung và không cho ai vay tài sản gì.

Gia đình đã thông báo và giao cho anh D các văn bản, thủ tục cho anh D, anh D không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thanh V được ly hôn anh Trần Văn D.

+ Về con chung: Xử giao con Trần Yên Nhi, sinh ngày 02/8/2007 cho chị Trần Thị Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị V. Hiện con Trần Văn D, sinh ngày 19/01/1997 đã trưởng thành tự lập được về kinh tế, vì vậy không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản: Do anh Trần Văn D chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

+ Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đều trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Trần Văn D không trình bày lời khai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh V và anh Trần Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do

vợ chồng không thông cảm và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống và làm ăn kinh tế dẫn đến luôn bất đồng quan điểm và tính cách không hòa hợp, vì vậy anh D, chị V thường xuyên đánh cãi chửi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến khoảng năm 2002 chị V đưa con ra cơ quan chị V tại Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội tại huyện V, tỉnh T sinh sống, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị V và anh D ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Thanh V được ly hôn anh Trần Văn D là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị V và anh D có hai con chung là Trần Văn D, sinh ngày 19/01/1997 và Trần Yến N, sinh ngày 02/8/2007. Hiện nay con D đã trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con; con Trần Yến N hiện nay đang ở cùng với chị V. Ly hôn, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét thấy yêu cầu này của chị V, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì chị V đã nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, chị V có thu nhập ổn định, nên cần xử giao cho con Trần Yến N, sinh ngày 02/8/2007 chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Do anh Trần Văn D chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu thì được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.
Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 147; Điều 203; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 24; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Thanh V được ly hôn anh Trần Văn D.

2- *Về con chung*: Xử giao con Trần Yến Nhi, sinh ngày 02/8/2007 cho chị Trần Thị Thanh V trực tiếp nuôi con. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con N cùng chị V; Con Trần Văn D, sinh ngày 19/01/1997 đã trưởng thành, tự lập được về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

3- *Về tài sản*: Không đặt ra giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Trần Thị Thanh V phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (*Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0006799 ngày 01/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình*)sang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Chị Trần Thị Thanh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Trần Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Thái Bình;
- Người TGGT khác;
- UBND phường P, thành phố H, tỉnh T.
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Huyền

